

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý thu, nộp, sử dụng và quyết toán
Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 555 /QĐ-UBND ngày 03/3 /2021 của UBND tỉnh về kiện toàn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 556 /QĐ-UBND ngày 03/ 3 /2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 112/TTr-SNN&PTNT ngày 29/4/2020 và Báo cáo số 258/BC-SNN&PTNT ngày 07/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý thu, nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chính 5sau:

1. Quy định chung

a) Phạm vi điều chỉnh: Các hoạt động thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là Quỹ) theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 và Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ.

b) Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam; tổ chức, cá nhân người nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, làm việc, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại tỉnh Quảng Nam.

c) Nguồn hình thành Quỹ theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-

CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, bao gồm:

- Nguồn đóng góp bắt buộc của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật.

- Các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

d) Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

2. Đối tượng và mức đóng góp

a) Đối tượng: Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (gọi tắt là đơn vị): Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn (2/10.000) trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị, nhưng tối thiểu là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tối đa là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Đối với công dân Việt Nam: Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 60 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 55 tuổi, mức đóng góp 01 lần/năm, như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước: Đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản, sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp.

- Người lao động trong các doanh nghiệp: Đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng.

- Người lao động khác, ngoài các đối tượng quy định tại 2 tiết (-) nêu trên: Đóng 15.000 đồng/người/năm.

c) Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tự nguyện đóng góp Quỹ.

3. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

a) Đối tượng được miễn đóng góp Quỹ

- Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;

- Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

- Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

- Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

- Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm trong năm từ 06 tháng trở lên;

- Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn;

thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có);

- Hợp tác xã không có nguồn thu;

- Tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn tỉnh trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị, phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày trở lên;

b) Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp

Tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn tỉnh được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

4. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3 của Quyết định này.

b) Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và báo cáo, đề xuất với UBND cấp xã, UBND cấp huyện để tổng hợp và gửi về Quỹ và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan kiểm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp, đối tượng đã đóng góp tiền vào Quỹ mà được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì sẽ được khấu trừ vào khoản đóng góp của năm sau.

5. Quản lý thu, kế hoạch thu, nộp Quỹ

a) Trong quý 4 hằng năm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch thu Quỹ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương; đồng thời, tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu Quỹ của tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và thông báo số thu, nộp Quỹ đến từng cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương thực hiện.

b) Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài:

- Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thu (hoặc đề nghị Cục thuế tỉnh hỗ trợ thu) tiền đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do Cục Thuế tỉnh quản lý.

Thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài chịu trách nhiệm nộp Quỹ theo mức quy định tại điểm a, khoản 2 và nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu (hoặc

đề nghị Cục thuế tỉnh hỗ trợ thu) tiền đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do các Chi cục Thuế trực thuộc quản lý (ngoài quy định tại tiết thứ nhất (-) nêu trên) theo kế hoạch thu Quỹ hằng năm.

Thu trường các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài chịu trách nhiệm nộp Quỹ theo mức quy định tại điểm a, khoản 2 và nộp vào tài khoản của UBND các huyện, thị xã, thành phố mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

c) Đối với công dân:

- Thu trường các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập nêu tại tiết thứ nhất (-) điểm b nêu trên chịu trách nhiệm thu tiền đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo mức quy định tại tiết thứ nhất (-) điểm b, khoản 2 và thu tiền đóng góp của người lao động trong các doanh nghiệp theo mức quy định tại tiết thứ hai (-) điểm b, khoản 2 và nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Thu trường các cơ quan, đơn vị cấp huyện; các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài nêu tại tiết thứ hai (-) điểm b, nêu trên chịu trách nhiệm thu tiền đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo mức quy định tại tiết thứ nhất (-) điểm b, khoản 2 và thu đóng góp của người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã theo mức quy định tại tiết thứ hai (-) điểm b, khoản 2 và nộp vào tài khoản của UBND các huyện, thị xã, thành phố mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

- UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn quản lý (trừ các đối tượng quy định tại các tiết thứ nhất và thứ hai (-) điểm c, khoản 5) và nộp vào tài khoản của UBND các huyện, thị xã, thành phố mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện. Khi thu tiền phải cấp biên lai thu do Bộ Tài chính phát hành cho người nộp.

d) Thời hạn nộp Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần **trước ngày 30/5 hằng năm**; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài nộp tối thiểu 50% số phải nộp **trước ngày 30/5**, số còn lại nộp **trước ngày 30/10 hằng năm**.

đ) Định kỳ cuối mỗi tháng, UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được và nộp vào tài khoản của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

e) Định kỳ cuối mỗi quý, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được và nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Nam.

f) Thu trường các cơ quan, tổ chức; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Nội dung chi của Quỹ

a) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho

các hoạt động quy định tại Điểm a, b, c Khoản 3, Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

- Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, công và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

- Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

- Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập và rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

b) Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu.

c) Được điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương.

7. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

a) Giao UBND cấp xã

- Trích lại 3% tổng số thực thu trên địa bàn để chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

- Trích lại 20% tổng số thực thu trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã.

- Nộp 77% tổng số thực thu trên địa bàn vào tài khoản của UBND cấp huyện mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

b) Giao UBND cấp huyện

- Trích lại 3% tổng số thực thu trên địa bàn để chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

- Trích lại 20% tổng số thực thu trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện.

- Nộp 77% tổng số thực thu trên địa bàn vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

8. Thẩm quyền chi Quỹ

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh, huyện, xã xem xét, quyết định mức chi và nội

dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

b) Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; đồng thời phối hợp với Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

c) Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

9. Trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh

Khi có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh căn cứ vào nội dung, kinh phí được duyệt và hồ sơ của các địa phương, đơn vị để lập thủ tục cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí cho các địa phương, cơ quan, đơn vị, như sau:

a) Cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí đối với sửa chữa khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai; kinh phí hỗ trợ đột xuất để khắc phục sự cố công trình, hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra, gồm hồ sơ được ủy quyền phê duyệt, như sau:

- Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nguồn của Quỹ cấp.

+ Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nguồn của Quỹ cấp hoặc cấp cho đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành quản lý.

- Đối với các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nhiều nguồn vốn khác nhau, khi phê duyệt phải ghi chi tiết từng nguồn vốn được đầu tư cho công trình.

- Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh căn cứ quyết định của UBND tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan cấp tạm ứng 70% và thanh toán tiếp 30% khi nhận đủ hồ sơ quyết toán được duyệt.

- Công tác thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

b) Cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác, gồm các hồ sơ, như sau:

- Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh:

+ Căn cứ hồ sơ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu để lập hồ sơ, thủ tục cấp kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các địa phương, cơ quan, đơn vị.

+ Căn cứ kế hoạch hoặc phương án kèm theo dự toán kinh phí chi tiết đã được lãnh đạo Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt, lập thủ tục cấp kinh phí tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác cho các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí sử dụng mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác từ nguồn Quỹ cấp.

Hồ sơ thanh, quyết toán phải đầy đủ bản sao chứng từ, hóa đơn theo quy định, Công văn đề nghị quyết toán, quyết định phê duyệt mua sắm phương tiện, trang thiết bị hoặc báo cáo kết quả sử dụng kinh phí mua sắm trang thiết bị của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác sử dụng nguồn Quỹ cấp Sở, Ban, ngành hoặc cấp cho đơn vị trực thuộc.

Hồ sơ thanh, quyết toán phải đầy đủ bản sao chứng từ, hóa đơn theo quy định, Công văn đề nghị quyết toán, quyết định phê duyệt mua sắm phương tiện, trang thiết bị hoặc báo cáo kết quả sử dụng kinh phí mua sắm trang thiết bị của Sở, Ban, ngành.

- Thủ tục mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Thủ tục quyết toán kinh phí tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác thực hiện theo quy định hiện hành; hồ sơ quyết toán gồm có: Công văn đề nghị quyết toán, báo cáo kết quả thực hiện, bản sao danh sách chi cho lực lượng tham gia có ký nhận, dự toán kinh phí chi tiết được phê duyệt, các bản sao hóa đơn, chứng từ liên quan.

c) Thanh, quyết toán kinh phí phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai: Hồ sơ phải đầy đủ bản sao chứng từ, hóa đơn theo quy định, gồm: Công văn đề nghị quyết toán; quyết định huy động, điều động, trưng dụng lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; bảng kê xác định số lượng lực lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia có xác nhận của cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đơn vị, địa phương; hợp đồng sử dụng phương tiện, vật tư, trang thiết bị; bảng kê xác nhận tình trạng hư hỏng hoặc mất phương tiện; các thủ tục, chi phí khác theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

d) Thời hạn thanh, quyết toán kinh phí: Các hạng mục, danh mục, công việc đã hoàn thành phải thực hiện thanh, quyết toán trong niên độ cấp kinh phí.

đ) Đối với các hạng mục, danh mục, công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan, UBND tỉnh cho phép các đơn vị, địa phương

chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

e) UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ các điểm a, b, c, d, đ khoản này để thực hiện trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai (từ nguồn 20% được trích lại) đảm bảo quy định.

10. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

a) Quý I năm sau, Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ của năm trước cho Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổ chức thẩm tra, phê duyệt, báo cáo quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành, báo cáo kết quả cho các cơ quan theo quy định của pháp luật.

c) Việc thu, nộp Quỹ phải thực hiện, hoàn thành trong năm tài chính hiện hành, đối với công tác quyết toán thực hiện trong quý I năm sau.

d) Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, 09 tháng và tổng kết năm về công tác quản lý thu, nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ theo quy định.

đ) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính theo quy định.

11. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

a) Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

b) Sở Tài chính, cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các Sở, Ban, ngành liên quan và chính quyền các địa phương chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ; có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

c) Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội, Đoàn thể liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về quản lý, hoạt động của Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

12. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

a) Việc thu Quỹ phải thực hiện theo Quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Hình thức công khai: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị, công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu, nộp Quỹ.

c) UBND các xã, phường, thị trấn phải công bố công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được Quỹ cấp cho công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và nội dung chi. Hình thức công khai: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hằng năm; niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, nhà sinh hoạt thôn, khu phố cộng đồng dân cư và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã, phường, thị trấn.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai kết quả thu Quỹ, danh sách, đối tượng và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp Quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được Quỹ cấp cho công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và các nội dung chi. Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở UBND cấp huyện, thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng góp Quỹ, công khai trên website của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

đ) Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh công khai kết quả thu Quỹ, danh sách đối tượng và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp; báo cáo quyết toán thu, chi; nội dung chi theo từng lĩnh vực, từng huyện, thị xã, thành phố. Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở Quỹ; công khai trên website của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

13. Quản lý, sử dụng Quỹ

a) Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ sai mục đích dưới bất kỳ hình thức nào.

b) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Tài chính, Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh điều hành, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc thu, chi Quỹ hiệu quả; định kỳ tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ; công khai Quỹ theo quy định của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.

c) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại khoản 5 của Quyết định này.

d) Các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập và cá nhân quy định tại khoản 2 của Quyết định này chịu trách nhiệm đóng góp Quỹ theo quy định.

14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổ chức, cá nhân không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ, thì phải truy nộp theo quy định của pháp luật.

c) Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ

luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện của các cấp địa phương, đơn vị và thường xuyên, tổng hợp các phát sinh, vướng mắc (nếu có), tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.

2. Sở Nội vụ theo dõi báo cáo kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính về thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai hằng năm của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh, để tổng hợp xem xét liên quan đến kết quả thi đua khen thưởng hằng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BCĐ TW về PCTT;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức hội, đoàn thể;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang